TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HOÁ** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày 09/5/2023
"V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Văn Tòng và bà Tưởng Thị Thu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lương Chung Duy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2023/TLST-HNGĐ ngày 19/01/2023, về "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐST - HNGĐ ngày 31/3/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2023 , giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trung Thị H**, sinh năm 1978.
ĐKHKTT: Thôn Khun V, xã Phú B, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang.
Nơi ở: Thôn Đầm H, xã Ngọc H, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang.
Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Sì Vĩnh H**, sinh năm 1972.
Địa chỉ: Thôn Đầm H, xã Ngọc H, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện,bản tự khai,biên bản hòa giải nguyên đơn chị Trung Thị H trình bày:* Chị và anh Sì Vĩnh H tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng năm 2005 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, nên chỉ xác định sống chung không đăng ký kết hôn. Khoảng tháng 3/2022 anh H có quan hệ với người phụ nữ khác, về nhà thường xuyên đánh đập, cản trở việc làm ăn kinh doanh của chị. Hiện nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh H.

- Về con chung: Chị và anh H có một con chung là Sì Huy H, sinh ngày 21/3/2003, đã trưởng thành. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị và anh H đã tự thỏa thuận, đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận về tài sản của chị và anh H, cụ thể như sau:

+ Chị được quyền sử dụng thửa đất số 30, tờ bản đồ 10a, diện tích 3.408,3 m2 (trong đó đất ở nông thôn 200m2, đất trồng cây lâu năm 3.208,3 m2), đã được UBND huyện Chiêm Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/8/2010, mang tên hộ bà Trung Thị H và ông Sì Vĩnh H.

+ Chị được quyền sử dụng diện tích đất khoảng 200 m2 tại thôn Đầm Hồng 3, xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hóa, vợ chồng chị mua của gia đình bà Lý Thị P vào năm 2008, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Chị được quyền sử dụng diện tích đất khoảng 250 m2 tại thôn Đầm Hồng 3, xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hóa, vợ chồng chị mua của gia đình ông Trần Xuân Ư vào năm 2016, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được sở hữu tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 03 tầng tổng diện tích 03 sản khoảng hơn 300 m2, và vật kiết trúc gắn liền với nhà ở.

+ Anh H được sở hữu số tiền 1.000.000.000đ (một tỉ đồng) tiền chênh lệch tài sản do chị trả cho anh H.

- Về vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Sì Vĩnh H trình bày: Anh và chị Trung Thị H tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng năm 2005 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nó chung, nên chỉ xác định sống chung không đăng ký kết hôn. Hiện nay anh xác định không còn tình cảm vợ chồng, anh đề nghị Tòa án giải quyết xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị H.

- Về con chung: Anh và chị H có một con chung là Sì Huy H, sinh ngày 21/3/2003, đã trưởng thành. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh và chị H đã tự thỏa thuận, đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận về tài sản của anh và chị H, cụ thể như sau:

+ Chị H được quyền sử dụng thửa đất số 30, tờ bản đồ 10a, diện tích 3.408,3 m2 (trong đó đất ở nông thôn 200m2, đất trồng cây lâu năm 3.208,3 m2), đã được UBND huyện Chiêm Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/8/2010, mang tên hộ bà Trung Thị H và ông Sì Vĩnh H.

+ Chị H được quyền sử dụng diện tích đất khoảng 200 m2 tại thôn Đầm Hồng 3, xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hóa, vợ chồng anh mua của gia đình bà Lý Thị P vào năm 2008, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Chị H được quyền sử dụng diện tích đất khoảng 250 m2 tại thôn Đầm Hồng 3, xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hóa, vợ chồng anh mua của gia đình ông

Trần Xuân Ư vào năm 2016, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được sở hữu tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 03 tầng tổng diện tích 03 sản khoảng hơn 300 m2, và vật kiết trúc gắn liền với nhà ở.

+ Anh được sở hữu số tiền 1.000.000.000đ (một tỉ đồng) tiền chênh lệch tài sản do chị H trả cho anh.

- Về vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã được biết: Qua tra cứu sổ Đăng ký kết hôn các năm lưu tại UBND xã, xác định chị Trung Thị H và anh Sì Vĩnh H không có tên trong sổ đăng ký kết hôn các năm.

Tại phiên toà, nguyên đơn chị Trung Thị H giữ nguyên yêu cầu về việc không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Sì Vĩnh H. Con chung là Sì Huy H, sinh ngày 21/3/2003, đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung chị xác định trước khi đề nghị Tòa án giải quyết vụ án, chị và anh H đã thỏa thuận phân chia tài sản chung và đề nghị Tòa án ghi nhận trong bản án, nhưng đến nay anh H không nhất trí sự thỏa thuận đó, nên chị đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu. Về vay nợ chung, chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Sì Vĩnh H đề nghị Toà án giải quyết không công nhận anh và chị Trung Thị H là vợ chồng. Con chung là Sì Huy H, sinh ngày 21/3/2003, đã trưởng thành, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung anh xác định trước khi đề nghị Tòa án giải quyết vụ án, anh và chị H đã thỏa thuận phân chia tài sản chung và đề nghị Tòa án ghi nhận trong bản án, nhưng đến nay anh không nhất trí sự thỏa thuận đó, anh đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng. Về vay nợ chung, anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, bị đơn đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 200, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trung Thị H: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trung Thị H và anh Sì Vĩnh H; về con chung: Con chung là Sì Huy H, sinh ngày 21/3/2003, đã trưởng thành nên không đề nghị xem xét giải quyết; về tài sản chung: Chị H đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu, nên đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu; về vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị xem xét giải quyết; về án phí và quyền kháng cáo: Chị Trung Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trung Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Sì Vĩnh H có hộ khẩu thường trú tại thôn Đầm H, xã Ngọc H, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng,vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trung Thị H và anh Sì Vĩnh H cùng trình bày việc chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã xác minh tại UBND xã nơi chị H và anh H sinh sống, xác định không có thông tin về việc đăng ký kết hôn giữa chị H và anh H. Như vậy, Chị H và anh H chung sống như vợ chồng từ năm 2002 đến nay không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình về đăng ký kết hôn. Mối quan hệ của chị H và anh H không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Chị H yêu cầu không công nhận chị H và anh H là vợ chồng. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 9; Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ giữa chị H và anh H là vợ chồng.

- Về con chung: Chị H và anh H có một con chung là Sì Huy H, sinh ngày 21/3/2003, đã trưởng thành. Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị H và anh H đều xác định đã tự thỏa thuận, đề nghị ghi nhận trong bản án, nhưng tại phiên tòa anh H thay đổi sự thỏa thuận và đề nghị chia tài sản chung trong thời kỳ chung sống với chị H; chị H đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu. Xét thấy anh H yêu cầu chia tài sản sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, sau khi đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử; chị H đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 200 BLTTDS tách phần chia tài sản chung ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

- Về vay nợ chung: Chị H và anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trung Thị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Sì Vĩnh H không phải nộp án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ vào:* Các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 200, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trung Thị H. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trung Thị H và anh Sì Vĩnh H.

2. Về tài sản chung: Tách phần chia tài sản chung ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Trung Thị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng),* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006103 ngày 18/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- THADS huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã Ngọc Hội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Mạnh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Tưởng Thị Thu Lý Văn Tòng	**Hoàng Mạnh Tuấn**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- THADS huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã Kim Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Mạnh Tuấn